

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh là Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 420/2018/TLST.HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1996 nơi cư trú: khóm 5, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1985 nơi cư trú: số 123, ấp MP, xã MD, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 2016, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã MD.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 8/2017, anh M bỏ về ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú sinh sống và không liên lạc hỏi thăm chị và con cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn mâu thuẫn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Chị và anh M có một con chung tên Nguyễn Ngọc Ngân Qu, sinh ngày 22/01/2018 chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Chị T và anh M ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay, hai người không còn liên lạc với nhau. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu cho chị T được ly hôn anh M. Con chung từ khi sinh ra đến nay chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị T tiếp tục nuôi con chung. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh M là bị đơn đã được triệu tập xét xử phiên tòa lần thứ hai nhưng không có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M là phù hợp với qui định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh M kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, do đó được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một năm thì anh M bỏ nhà đi, chị T chỉ biết anh M nợ nần, vợ chồng không có mâu thuẫn nhau. Anh M đi từ tháng 8/2017 cho đến nay không liên lạc chị T, khi anh M đi chị T đang mang thai đến khi chị T sinh con nhưng anh M không quan tâm hoặc tới lui, thăm hỏi vợ con. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T nhưng anh M không thực hiện. Qua xác minh thì địa phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh M.

Anh M và chị T là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế anh chị đã ly thân gần một năm rưỡi nay và không liên lạc hay qua lại thăm nom nhau. Chị T yêu cầu ly hôn và anh M cũng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh M và chị T có con chung Nguyễn Ngọc Ngân Qu, sinh ngày 22/01/2018, từ khi sinh đến nay chị T một mình nuôi con, anh M không tới thăm nom, chăm sóc con chung. Do đó, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp nên được chấp nhận. Chị T không yêu cầu nên không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T.

Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Chị T và anh M có một con chung Nguyễn Ngọc Ngân Qu, sinh ngày 22/01/2018; giao con chung Nguyễn Ngọc Ngân Qu cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có nghĩa tạo điều kiện cho anh M được thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Chị T và anh M không có tài sản chung, nợ chung

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010012 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú.

Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh M vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS Châu Phú;
- UBND xã Mỹ Đức
- Lưu HS-VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thế Văn